

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AHK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AHK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AHK TECHNOLOGY APPLICATION AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AHK TAC., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107031184

**3. Ngày thành lập:** 15/10/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 76 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977 061 482

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Cho thuê kho, bãi;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5210        |
| 2.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5510        |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;                                                                                                                                                                   | 4663(Chính) |
| 4.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5610 |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4100 |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp;<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.                                                                                                                                                                | 4290 |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321 |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322 |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh, | 4329 |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330 |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610 |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);                                                                                                         | 4659 |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4931 |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                           | 8299 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;<br>- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;<br>- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu;<br>- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;<br>- Dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;<br>- Tư vấn đánh giá dự án đầu tư;<br>- Thiết kế xây dựng công trình;<br>- Giám sát thi công xây dựng công trình;<br>- Dịch vụ về bồi thường, giải phóng mặt bằng; | 7110 |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.800.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ QUÝ TRỤ  | Số 76 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 24.480     | 2.448.000.000         | 51        | 0330800004<br>27                                                                            |         |
|     |             |                                                                                        | Tổng số           | 24.480     | 2.448.000.000         | 51        |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ THỊ XUÂN | Số 76 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 13.920     | 1.392.000.000         | 29        | 0361820004<br>59                                                                            |         |
|     |             |                                                                                        | Tổng số           | 13.920     | 1.392.000.000         | 29        |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LÊ QUÝ MINH | Xóm Vườn Hồng, thôn Hoàng Cả 2, Thị trấn Ân Thi, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 9.600      | 960.000.000           | 20        | 145113872                                                                                   |         |
|     |             |                                                                                        | Tổng số           | 9.600      | 960.000.000           | 20        |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: LÊ QUÝ TRỤ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 30/04/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033080000427

Ngày cấp: 17/06/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 76 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 76 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội